

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2018

*V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 878/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Phương Y, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đ H, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 539/3A, Ấp S, thị trấn H, huyện Đ H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị Phương Y trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Nguyễn Duy T cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con vào tháng 02/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn gần gũi từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Yến T, sinh ngày 16/02/2010. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y xác định để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và biên bản hòa giải ngày 02/8/2018, bị đơn Nguyễn Duy T trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến của chị Y về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh Tân xác định không có mâu thuẫn gì, mà do anh bị bệnh tim và bệnh thận nhưng chị Y không quan tâm khiến tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, hai bên ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị Y vì còn thương vợ con. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý nuôi dưỡng con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 02/8/2018, cháu Nguyễn Yến T thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Qua hòa giải các bên không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Võ Thị Phương Y và anh Nguyễn Duy T cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2008, nên quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Y thấy rằng: Chị Y và anh T đều thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2010. Chị Y cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm đến ai nên tình cảm đã không còn. Anh T thì xác định do anh mắc bệnh tim và thận nhưng chị Y không quan tâm khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Qua hòa giải tại Tòa án, chị Y thể hiện ý chí cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Anh T nêu ý kiến còn thương vợ nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục chị Y đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ xác định trong quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh T đã không có sự cảm thông, chia sẻ, thương yêu lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị Y và anh T đều thống nhất ý kiến về việc anh T được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Yến T, sinh ngày 16/02/2010 và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do đó, trên cơ sở thỏa thuận của các bên và thực hiện quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến T.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, các đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Võ Thị Phương Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Duy T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Phương Y được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.
2. Về quyền nuôi con chung: Anh Nguyễn Duy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Yến T, sinh ngày 16/02/2010.
3. Chị Y có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Y theo quy định của pháp luật. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Y.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị Y, anh T, người thân thích của cháu T, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0002969 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa

sang thi hành án phí, nên chị Y không phải nộp tiếp. Anh Nguyễn Duy T không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn H;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh